

Số: /BNNMT-TL

V/v cung cấp thông tin bước đầu phục vụ khảo sát nhanh thực trạng nguồn nước và cấp nước sinh hoạt nông thôn thuộc CTMTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển KTXH ĐBDTTS&MN giai đoạn 2026-2030.

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: 2026-2030.

Để triển khai kịp thời, đúng trọng tâm nội dung 10 về phát triển công trình cấp nước sạch tập trung tại xã, liên xã và hỗ trợ cấp nước hộ gia đình đạt chuẩn cho các nhóm hộ khó tiếp cận nước sạch tập trung, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Quý Ủy ban khẩn trương chỉ đạo rà soát, tổng hợp và cung cấp thông tin bước đầu về thực trạng nguồn nước, hiện trạng cấp nước sinh hoạt nông thôn, tình hình thiếu nước và nhu cầu ưu tiên đầu tư tại Phụ lục I-IV kèm theo.

Việc cung cấp thông tin bước đầu có tính cấp thiết nhằm chuẩn bị căn cứ kỹ thuật phục vụ lập kế hoạch, dự toán, bố trí và lồng ghép nguồn lực ngay từ đầu giai đoạn 2026-2030. Hiện nay, nhiều địa bàn ưu tiên đang chịu tác động của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, suy giảm hoặc ô nhiễm nguồn nước; nếu chậm rà soát, tổng hợp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ triển khai nhiệm vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn, đời sống, sức khỏe người dân và chỉ tiêu của Chương trình.

Để bảo đảm tiến độ tổng hợp chung của Bộ, đề nghị Quý Ủy ban quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo đơn vị đầu mối cung cấp thông tin: Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường làm cơ quan đầu mối tổng hợp, cung cấp thông tin; các sở, ngành, đơn vị liên quan phối hợp rà soát, xác nhận và cung cấp số liệu thống nhất theo phụ lục, bảo đảm thông tin cung cấp đầy đủ, thống nhất, có xác nhận, làm cơ sở lựa chọn đúng địa bàn, đúng nguồn nước, đúng mô hình cấp nước, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp hoặc kém hiệu quả.

2. Thời gian cung cấp thông tin:

- Gửi văn bản hành chính có phụ lục kèm theo về Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi trước ngày **27/5/2026**.

- Hồ sơ bản mềm gửi đồng thời về: Đ/c Nguyễn Thị Hương, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, email: [nthuong3@mae.gov.vn](mailto:nthuong3@mae.gov.vn), ĐT: 0976.692.282 và Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, email: [htpt.nawapi@gmail.com](mailto:htpt.nawapi@gmail.com); ĐT: 0985.798.390.

Trường hợp chưa hoàn thành trong thời hạn nêu trên, đề nghị có văn bản phản hồi, nêu rõ lý do, thời gian dự kiến hoàn thành và cử đầu mối phối hợp cập nhật thông tin để bảo đảm tiến độ tổng hợp chung.

Đề nghị Quý Ủy ban quan tâm chỉ đạo thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- VP ĐP NTM TW;
- TT QH & ĐTTNNQG;
- Lưu: VT, TL.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hoàng Hiệp**

**PHỤ LỤC I****Thông tin chung về địa bàn thiếu nước sinh hoạt***(Kèm theo Công văn số: /BNNMT-TL ngày /5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Tỉnh/TP	Xã	Thôn/Bản (nếu có)	Tổng số hộ	Thuộc DTTS (Có/Không)	Thuộc miền núi (Có/Không)	Thuộc địa bàn khó khăn (Có/Không)	Thiếu nước (Có/Không)	Mức độ thiếu nước	Thời gian thiếu (tháng)	Số hộ	Đầu mỗi xã (Họ tên)	Số điện thoại	Email	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

**Hướng dẫn điền thông tin:**

Cột (4): điền số hộ thuộc thôn/bản

Cột (5), (6), (7), (8): điền Có/Không

Cột (9): điền một trong các mức độ: Nhẹ/Vừa/Nặng

Cột (10): điền số tháng thiếu nước trong năm

Cột (11): điền số hộ của thôn/bản

Cột (12), (13), (14): điền họ tên, số điện thoại, email của cán bộ phụ trách thôn/bản

**PHỤ LỤC II****Thông tin hiện trạng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn***(Kèm theo Công văn số: /BNNMT-TL ngày /5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Tỉnh/TP	Xã	Tên công trình/điểm cấp nước	Loại công trình (tập trung/nhỏ lẻ)	Nguồn cấp chính	Quy mô phục vụ (hộ/người)	Tình trạng vận hành	Sự cố chính	Đơn vị quản lý	Thu phí (Có/Không)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

**Hướng dẫn điền thông tin:**

Cột (3): điền tên công trình hoặc tên điểm cấp nước

Cột (4): điền một trong các loại hình: Tập trung /Nhỏ lẻ

Cột (5): điền một trong các nguồn sau: Nước mặt/Nước dưới đất /Nước mưa/Mua nước

Cột (6): điền số hộ hoặc số người dân được cấp nước từ công trình

Cột (7): điền một trong các tình trạng sau: Tốt /Hoạt động kém/Không hoạt động/Đang xây dựng

Cột (8): điền sự cố chính trong quá trình vận hành công trình

Cột (9): điền tên đơn vị quản lý công trình

Cột (10): điền một trong hai hình thức: Có/Không.

**PHỤ LỤC III****Thông tin hiện trạng nguồn nước chính và các rủi ro liên quan***(Kèm theo Công văn số: /BNNMT-TL ngày /5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Tỉnh/TP	Xã	Nguồn ưu tiên	Mô tả ngắn nguồn (vị trí/điểm lấy nước)	Ổn định mùa kiệt (Thấp/Trung bình/Cao)	Nguy cơ ô nhiễm (Thấp/TB/Cao)	Vấn đề chất lượng (mặn/phèn/đục/mùi...)	Khả năng khai thác (Thấp/Trung bình/Cao)	Gợi ý xử lý (cơ bản/nâng cao)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

**Hướng dẫn điền thông tin:**

Cột (3): điền một trong các nguồn sau: Nước mặt/Nước dưới đất/Nước mưa/Kết hợp

Cột (4): điền ngắn gọn vị trí công trình hoặc điểm lấy nước

Cột (5): điền một trong các mức sau: Thấp /Trung bình/Cao

Cột (6): điền một trong các mức sau: Thấp /Trung bình/Cao

Cột (7): điền khái quát ngắn gọn vấn đề về chất lượng nước trong khu vực

Cột (8): điền một trong các mức sau: Thấp/Trung bình/Cao

Cột (9): điền một trong các mức sau: Xử lý cơ bản/Xử lý nâng cao/Chưa xác định

### PHỤ LỤC IV

#### Thông tin đề xuất khu vực ưu tiên và điểm khảo sát thực địa

(Kèm theo Công văn số: /BNNMT-TL ngày /5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tỉnh/TP	Xã	Thôn/Bản (nếu có)	Mức thiếu nước	Dân số hưởng lợi	Nguồn nước chính	Mô hình đề xuất sơ bộ	Mức ưu tiên	Nhóm chi phí (nhỏ/vừa/lớn)	Điểm ưu tiên khảo sát thực địa	Điều kiện phối hợp/ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

**Hướng dẫn điền thông tin:**

Cột (4): điền một trong các mức sau: Nhẹ /Vừa/Nặng

Cột (5): điền số người dân được hưởng lợi khi đầu tư công trình

Cột (6): điền một trong các nguồn sau: Nước mặt/Nước dưới đất/Nước mưa/Kết hợp

Cột (7): điền một trong các mô hình sau: Mô hình nước mặt / Mô hình nước dưới đất / Mô hình thu trữ nước mưa/Mô hình kết hợp

Cột (8): điền một trong các mức sau: Cấp bách/Ưu tiên/Theo kế hoạch

Cột (9): điền một trong các mức sau: Nhỏ/Vừa/Lớn

Cột (10): điền vị trí ưu tiên khảo sát thực địa